

Thành ngữ tiếng Việt nhìn từ lý thuyết Đánh giá

Phan Tuấn Ly^{1,*}, Ngô Hải Quân²



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Nghiên cứu thành ngữ tiếng Việt trong hành chức không phải là vấn đề mới ở Việt Nam. Bài viết này sử dụng lý thuyết Đánh giá do Martin, J. R., & White, P. R. (2005) khởi xướng - được xem như là một bộ phận hiện thực hóa siêu chức năng liên nhân trong Ngôn ngữ học chức năng hệ thống, để xác định các yếu tố đánh giá trong thành ngữ tiếng Việt. Theo đó, chúng tôi tiến hành khảo sát 50 thành ngữ tiếng Việt được ghi nhận trong Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức do Đỗ Thị Kim Liên và cộng sự (2015) biên soạn nhằm xác định và phân loại Thái độ, Thang độ tồn tại bên trong nó khi hành chức. Các thành ngữ được lựa chọn ngẫu nhiên trong quá trình tập hợp ngữ liệu. Từ góc tiếp cận định tính, phương pháp miêu tả ngôn ngữ và phân tích diễn ngôn được sử dụng để đạt được hai mục đích đề ra. Đồng thời, thủ pháp thống kê phân loại cũng được sử dụng để kiểm đếm và phân loại thành ngữ từ góc nhìn của lý thuyết Đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy, tất cả thành ngữ đều mang các yếu tố đánh giá trong hành chức. Thái độ trong thành ngữ chủ yếu được hiện thực hóa ở kiểu Phán xét và Đánh giá cảm quan. Thang độ của sự đánh giá trong thành ngữ đa phần ở mức cao, hiện thực hóa bằng Siết chặt và Tăng. Kết quả phân loại này có thể sẽ là một góc tiếp cận mới trong việc biên soạn từ điển thành ngữ tiếng Việt. Hơn nữa, việc phân loại thành ngữ tiếng Việt dựa trên lý thuyết Đánh giá sẽ hỗ trợ việc phân tích diễn ngôn phê phán trở nên hiệu quả hơn khi tiếp cận các dạng thức văn bản tiếng Việt (nói hoặc viết).

Từ khoá: thành ngữ tiếng Việt, lý thuyết Đánh giá, ngữ pháp chức năng hệ thống, SFL

DẪN NHẬP

Trong kho tàng văn hóa dân tộc Việt Nam, thành ngữ chiếm một vị trí quan trọng, có sức ảnh hưởng to lớn trong cộng đồng và đời sống dân tộc. Vì thế, thành ngữ đã được lưu truyền từ rất lâu đời và được các nhà nghiên cứu quan tâm, sưu tầm. Điều này tái khẳng định giá trị của nó trong đời sống giao tiếp của người Việt Nam. Khái niệm thành ngữ được nhiều học giả đưa ra và vẫn chưa thống nhất trong giới Việt ngữ học. Hoàng Văn Hành (2015) cho rằng “thành ngữ là những tổ hợp từ đặc biệt, cố định, bền vững về hình thái, cấu trúc, hoàn chỉnh và ý nghĩa được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ” [1, tr. 127]. Nhóm tác giả Mai Ngọc Chừ và cộng sự (2001) cho rằng “thành ngữ là cụm từ cố định, hoàn chỉnh về cấu trúc và ý nghĩa. Nghĩa của chúng có tính hình tượng và gợi cảm” [2, tr.157]. Đỗ Thị Kim Liên và cộng sự (2015) cho rằng “Thành ngữ là cụm từ cố định, tương đương từ, là thành tố cấu tạo câu” [3, tr. 24]. Nhìn chung, các học giả đều thống nhất về một số đặc trưng của thành ngữ tiếng Việt: là một cụm từ cố định (tương đương từ), hoàn chỉnh về cấu trúc, có ý nghĩa riêng biệt. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi không lạm bàn đến khái niệm thành ngữ. Thay vào đó, chúng tôi chỉ muốn khái quát về thành ngữ để làm cơ sở lý thuyết về đối tượng nghiên

cứu.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về thành ngữ và nhiều từ điển về thành ngữ được xuất bản, song phần lớn chủ yếu tập trung vào việc miêu tả ngữ nghĩa/ cấu trúc của thành ngữ. Tiếp cận thành ngữ trong hành chức nhìn từ các hệ hình lý thuyết mới chưa nhiều. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng lý thuyết Đánh giá do Martin, J. R., & White, P. R. (2005) đề xuất [4, tr. 34-39] để nghiên cứu thành ngữ tiếng Việt nhằm xác định Thái độ (Attitude) được tạo lập trong quá trình thực hiện siêu chức năng Liên nhân (Interpersonal Metafunction). Thông qua đó, chúng tôi tiến đến việc phân loại thành ngữ dựa vào Thái độ và Thang độ được khảo sát.

Nghiên cứu liên quan đến thành ngữ tiếng Việt

Nghiên cứu về việc sử dụng thành ngữ Việt Nam được nhiều nhà nghiên cứu đi trước quan tâm. Hoàng Văn Hành (1994) nghiên cứu về thành ngữ học tiếng Việt và đi đến kết luận một số đặc điểm chính của thành ngữ, chẳng hạn một tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thái - cấu trúc; hoàn chỉnh và bóng bẩy về ý nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt trong khẩu ngữ [5, tr. 24].

Một số tác giả nghiên cứu về việc sử dụng cũng như giá trị sử dụng thành ngữ trong các tác phẩm văn học,

¹Trường Đại học Luật TP.HCM, Việt Nam

²Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Phan Tuấn Ly, Trường Đại học Luật TP.HCM, Việt Nam

Email: phantuanly@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 04-09-2024
- Ngày sửa đổi: 29-04-2025
- Ngày chấp nhận: 09-6-2025
- Ngày đăng: 26-12-2025

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v10i1.1058>



Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Trích dẫn bài báo này: Ly P T, Quân N H. Thành ngữ tiếng Việt nhìn từ lý thuyết Đánh giá. *VNUHCM J. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(1):3239-3247.

có thể kể đến các luận văn nghiên cứu của Lê Thị Bích Diệp (2012), Võ Thị Vân (2012), Trần Thị Hiền (2012). Các tác giả này chủ yếu thống kê số lượng thành ngữ hoặc định vị vai trò của việc sử dụng thành ngữ trong những tác phẩm của tác giả văn học như Nam Cao, Nguyễn Hồng, Vũ Bằng, Hồ Anh Thái và Dương Thụy. Thông qua việc nghiên cứu thành ngữ ở hai bình diện là ngữ pháp và ngữ nghĩa trong một số tác phẩm văn học tiêu biểu của các tác giả này, các công trình nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu những giá trị của thành ngữ trong việc ghi nhận các khía cạnh của cuộc sống trong xã hội.

Đỗ Thị Kim Liên (2014) đã nghiên cứu chi tiết lối khẩu ngữ/ văn chương (hành văn trong tiểu thuyết và truyện ngắn) của các tác giả vùng Nam Bộ trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Bài viết cũng tiến hành đối chiếu với cách sử dụng thành ngữ trong một số tác phẩm xuất bản sau năm 2000 của các nhà văn đương thời nhằm tái tạo diện mạo thành ngữ tiếng Việt giai đoạn giao thời giữa hai thế kỷ [6, tr. 18]. Trong một công bố khác, tác giả cũng đã nghiên cứu cụ thể về từng đặc điểm riêng lẻ của tục ngữ so với thành ngữ để giảng dạy, cũng như chỉ ra sự khác nhau giữa tục ngữ và thành ngữ trong hành chức (dựa trên cứ liệu văn bản văn chương) nhằm giúp phân biệt tục ngữ với thành ngữ trong hành chức, hướng đến việc giảng dạy tiếng Việt [6, tr. 10].

Nguyễn Đình Hiền (2018) nghiên cứu sự biến đổi của thành ngữ, tục ngữ Việt Nam từ góc nhìn của quy luật vận động và phát triển. Qua đó, tác giả chứng minh sự biến đổi của thành ngữ, tục ngữ Việt Nam chậm hơn so với lớp từ ngữ của lớp từ vựng thông thường. Theo đó, tác giả cũng kết luận thành ngữ, tục ngữ bảo lưu được những từ ngữ cổ, hay hoặc đơn thuần là nghĩa cổ, âm đọc cổ của những từ ngữ trong lớp từ vựng thông thường [7, tr. 15].

Nghiên cứu liên quan đến thành ngữ và lý thuyết Đánh giá

Trên thế giới, việc nghiên cứu thành ngữ từ đa dạng các khía cạnh đã bắt đầu từ rất sớm. Tương tự, việc nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết Đánh giá cũng đã có những bước tiến nhất định. Đầu vậy, việc công bố nghiên cứu về thành ngữ từ góc nhìn của lý thuyết Đánh giá vẫn còn khá hạn hữu. Trong giới hạn tìm kiếm của chúng tôi, có lẽ công bố của Chenguang, C., (2007) [8, tr. 1] là bài viết duy nhất có liên quan trực tiếp đến việc nghiên cứu thành ngữ tiếng Anh và lý thuyết Đánh giá. Trong bài viết này, tác giả đã khảo sát thành ngữ tiếng Anh và đưa ra những ý kiến liên quan đến tiềm năng của ý nghĩa đánh giá trong thành ngữ khi nó hành chức. Theo đó, tác giả cho rằng thành

ngữ tiếng Anh mang thái độ ở cả ba tiểu loại là Tình cảm, Đánh giá cảm quan và Phán xét. Thông qua việc phân tích các hiện tượng đặc biệt trong thành ngữ tiếng Anh, tác giả đi đến kết luận rằng thành ngữ chứa đựng nhiều giá trị khác nhau và những giá trị này bắt tay nhau trong quá trình hành chức, đóng vai trò như là một bộ máy “khuếch đại” các nguồn lực đánh giá [8, tr. 8]. Nhìn lại bài viết này, chúng tôi tập trung nhiều hơn vào việc phân loại thành ngữ dựa trên lý thuyết Đánh giá để làm cơ sở cho các hoạt động phân tích diễn ngôn phê phán, biên soạn từ điển hoặc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ.

Một số tác giả khác cũng nghiên cứu về thái độ hoặc đánh giá của người sử dụng thành ngữ. Stefanova, D. (2018) nghiên cứu về các thành ngữ trong Kinh Thánh với các thể loại diễn ngôn đương đại đặt trong bối cảnh nguồn gốc của nó. Tác giả này cũng cho rằng thành ngữ trong Kinh Thánh cũng mang những ý nghĩa đánh giá nhất định, đặc biệt khi xét đến yếu tố liên văn bản (intertextuality) giữa thành ngữ và nguồn gốc của nó [9, tr. 194]. Nyong, M. (2020) cũng nghiên cứu về các phương thức hiện thực hóa đánh giá của người tạo lập diễn ngôn trong bản dịch của quyển God's Bits of Wood. Tác giả chủ yếu đưa ra những đánh giá của mình về việc chuyển dịch các thành ngữ và tục ngữ trong bản dịch của quyển sách này [10, tr. 153]. Wijaya, R. K. A. R., & Hidayatulloh, A., (2022) nghiên cứu đến biện pháp cường điệu trong tác phẩm văn học từ góc nhìn của lý thuyết Đánh giá [11, tr. 156]. Dù không liên quan đến thành ngữ, nhưng bài viết này cũng được xem như là một ứng dụng lý thuyết Đánh giá trong việc xác định các phương thức diễn đạt tiềm nghĩa đánh giá trong văn chương, vốn được xem là một lĩnh vực liên quan thường xuyên với thành ngữ.

Phương pháp nghiên cứu và ngữ liệu

Để đạt được mục tiêu bài viết đề ra, bên cạnh phương pháp miêu tả ngôn ngữ học và phân tích diễn ngôn, thủ pháp thống kê - phân loại được sử dụng để tiến hành phân loại thành ngữ dựa trên Thái độ, Thang độ được tạo lập trong hành chức. Với quy mô nhỏ của bài viết này, chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên 50 thành ngữ tiếng Việt được ghi nhận trong Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức do Đỗ Thị Kim Liên và cộng sự biên soạn (2015). Từ điển này đã tổng hợp các cứ liệu truyện ngắn và tiểu thuyết của các nhà văn Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến ngày nay, như Nam Cao, Vũ Bằng, Nguyễn Công Hoan, Dương Thụy, Hồ Anh Thái... [3, tr. 17]. Từ điển này được đánh giá là kỳ công, nghiêm túc và quy mô liên quan đến thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt ở thời điểm hiện tại. Đây là lý

do quan trọng để chúng tôi lựa chọn thành ngữ trong từ điển này để khảo sát và phân loại từ góc nhìn của một lý thuyết tương đối mới.

Câu hỏi nghiên cứu

Trên những cơ sở này, các câu hỏi sau sẽ được trả lời nhằm đạt được mục đích nghiên cứu để ra:

- (i) Một là, thành ngữ tiếng Việt trong quá trình hành chức có mang thái độ tiềm năng nhằm tạo lập ý nghĩa Liên nhân hay không? Nếu có, thái độ đó được kích hoạt nhằm tác động đến chủ thể nào trong quá trình giao tiếp?
- (ii) Hai là, thành ngữ tiếng Việt trong quá trình hành chức thể hiện sự đánh giá của chủ thể tạo lập phát ngôn/ câu có phân định mức độ cao/ thấp/ trung tính hay không?

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghĩa Liên nhân trong Ngôn ngữ học chức năng hệ thống

Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics, sau đây viết tắt là SFL) do Halliday, M. A. K. (1985) phát triển, nghiên cứu ngôn ngữ trong hành chức [12, tr. 1]. Theo SFL, cú^a được xem là một đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất tham gia vào quá trình giao tiếp của con người. Halliday, M. A. K. (2001) cho rằng “về truyền thống thì ngữ pháp dừng lại ở câu (‘clause complex’ trong mô hình mô tả này), và có một cảm giác trong đó nó thực sự tạo nên một ranh giới cao hơn” [13, tr. 3]. Thêm vào đó, “mối quan tâm chính của chúng tôi được đặt vào các đơn vị cao hơn từ, đặc biệt là vào clause (cú)” vì “muốn nghiên cứu xem các cấu trúc ngữ nghĩa được thể hiện trong ngữ pháp như thế nào thì trước hết chúng ta phải nhìn vào cấu trúc của clause, và các đơn vị trên và xung quanh nó; và chỉ sau đó chúng ta mới có thể tiếp tục xem xét các đơn vị ngữ pháp nhỏ hơn”.

Nơi mà thành ngữ hành chức cũng là ở phạm vi của cú. Thành ngữ tiếng Việt được sử dụng trong quá trình con người giao tiếp với nhau trước tiên ở đơn vị ngôn ngữ cơ bản nhất là cú. Chúng tôi cũng không phủ nhận rằng, trong một số ít trường hợp, thành ngữ có thể được sử dụng một cách độc lập như thành phần hô ngữ (Vocatives) hoặc thán ngữ (Expletives). Ở bình diện nghĩa Liên nhân, cú bao gồm hai thành phần chủ chốt là Thúc và Phần dư. Thúc được xem là thành phần thực hiện sự tương tác qua lại giữa người nói và người nghe trong giao tiếp. Thành phần Thúc trong cú được Halliday, M. A. K., Matthiessen, C. M. (2014) minh họa qua Hình 1 [14, tr. 143]. Theo đó, Thúc là thành phần thực hiện siêu chức năng Liên nhân trong cú, tức là hiện thực hóa sự tương tác qua lại giữa người nói/ viết và người nghe/ đọc. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng Halliday, M. A. K., Matthiessen, C. M. (2014) đã phân tập trung vào phân tích tương tác giữa những chủ thể giao tiếp từ bình diện Thúc bao gồm hai thành tố của hệ thống là Chủ ngữ và Hữu định mặc dù cũng trong công bố này, hai tác giả có nhắc đến hô ngữ và thán ngữ cũng đóng những vai trò nhất định trong quá trình hiện thực hóa nghĩa Liên nhân [14, tr. 159]. Trong quá trình giao tiếp, yếu tố ngôn ngữ hiện thực hóa sự tương tác (clause as an exchange) nhằm trao đổi thông tin, hàng hóa và dịch vụ giữa người nói/ viết và người nghe/ đọc thông qua thành phần Thúc. Dẫu vậy, siêu chức năng Liên nhân, bên cạnh sự tương tác thông qua hệ thống Thúc, còn được hiện thực hóa thông qua các phương thức diễn đạt cảm giác (feelings) của con người. Để bắt đầu công bố liên quan đến lý thuyết Đánh giá, Martin, J. R., & White, P. R. (2005) đã viết rằng “đến khoảng năm 1990, các nghiên cứu về nghĩa Liên nhân trong SFL tập trung chủ yếu vào sự tương tác hơn là cảm giác. Đây là kết quả của công trình nghiên cứu sâu rộng của Halliday về ngữ pháp của Thúc và tình thái (Halliday 1994) và sự mở rộng của nó vào việc phân tích lượt lời trong hội thoại...” [4, tr. 7-8].

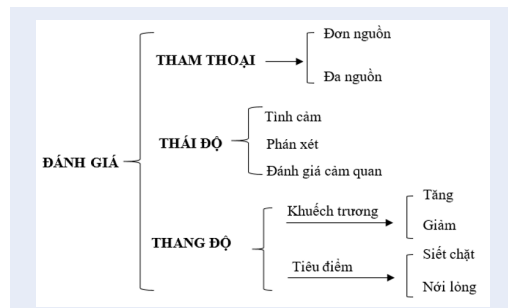
| Cú tuyên bố | | | Cú nghi vấn yes/no | | |
|-------------|----------|------------------------|--------------------|----------|-------------------------|
| the duke | has | given that teapot away | has | the duke | given that teapot away? |
| Chủ ngữ | Hữu định | Phần dư | Hữu định | Chủ ngữ | Phần dư |
| Thúc | | | Thúc | | |

Hình 1: Cấu trúc của cú tuyên bố và cú nghi vấn yes/ no [Nguồn: 14, tr. 143]

^aKhái niệm “cú” được tạm chuyển dịch theo Hoàng Văn Văn (Halliday, 2001) [13, tr. 58].

Lý thuyết Đánh giá

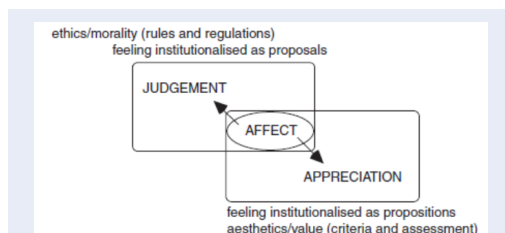
Trong quá trình giao tiếp, diễn đạt cảm giác của con người cũng là một phương thức thực hiện siêu chức năng Liên nhân. Hệ thống Đánh giá thực hiện siêu chức năng này bao gồm ba tiểu hệ thống: Thái độ (Attitude), Thang độ (Graduation) và Tham thoại (Engagement), được minh họa qua Hình 2.



Hình 2: Hệ thống đánh giá: tổng quan [Nguồn: 4, tr.38]

Thái độ

Theo lý thuyết Đánh giá, Thái độ bao gồm ba dạng thức khác nhau như minh họa trong Hình 3, bao gồm: Tình cảm (affect), Phán xét (judgment) và Đánh giá cảm quan (appreciation). Theo đó, ở cấp độ diễn ngôn hay cú, siêu chức năng Liên nhân sẽ được hiện thực hóa bằng một trong những dạng thức của Thái độ. Các chủ thể giao tiếp sẽ thể hiện tình cảm, cảm xúc, đánh giá đối với chính bản thân họ, các sự vật hiện tượng hoặc các chủ thể giao tiếp khác bên ngoài bản thân họ. Sự đánh giá đó thể hiện sự tương tác qua lại giữa chủ thể nói/ viết với chủ thể nghe/ đọc và thế giới khách quan xung quanh. Sự đánh giá của chủ thể giao tiếp được định danh là Thái độ trên bình diện của SFL.



Hình 3: Phán xét và đánh giá cảm quan như là tình cảm được quy ước hóa [Nguồn: 4, tr. 45]

• Tình cảm

Tình cảm là một dạng thức diễn tả thái độ của chủ thể giao tiếp do tiếp nhận “sự tương tác” (trigger) từ một yếu tố bên ngoài. Martin, J. R., & White, P. R. (2005) cho rằng, Tình cảm có thể được phân thành bốn kiểu tồn tại là thiên hướng (dis/inclination), vui/ buồn (un/happy), thỏa mãn/ bất mãn (dis/satisfaction), an toàn/ bất an (in/secure) [4, tr. 42]. Khi thể hiện cảm xúc của bản thân, hai chiều hướng mà chủ thể giao tiếp có thể lựa chọn là: tích cực (positive) hoặc tiêu cực (negative). Đối với phương thức diễn đạt tình cảm, chủ thể giao tiếp có hai lựa chọn để diễn đạt cảm xúc là trực tiếp (direct) hoặc gián tiếp (implied). Ấn dụ cũng được xem là một cách diễn đạt Tình cảm gián tiếp của con người trong quá trình giao tiếp. Ví dụ: “Sadly, he had to go” [4, tr. 46]. Tình cảm được diễn đạt bằng phụ ngữ tình thái (modal adjunct) “sadly”.

• Phán xét

Đưa ra sự đánh giá đối với người khác hoặc diễn tả thái độ liên quan đến hành vi của người khác cũng được xem là một dạng thức khác của Thái độ bên cạnh Tình cảm. Kiểu thức này được gọi là Phán xét trong lý thuyết Đánh giá. Tương tự như Tình cảm, Phán xét cũng được hiện thực hóa bằng hai phương cách là tích cực hoặc tiêu cực. Cách thức để chủ thể giao tiếp đưa ra Phán xét có thể bằng kiểu thức hàm ngôn hoặc hiển ngôn, tức là gián tiếp hay trực tiếp. Martin, J. R., & White, P. R. (2005) cho rằng, Phán xét được đưa ra dựa trên hai khuynh hướng: một là, dựa trên quy chuẩn xã hội gồm khen (admiration) và chê (criticism); hai là, dựa trên quy tắc cộng đồng gồm ủng hộ (praise) và lên án (condemnation) [4, tr. 53]. Phán xét dựa trên quy chuẩn xã hội được chia thành: Phổ thông (normality, bình thường hay đặc biệt), Khả năng (capacity, có thể hay không thể) và Kiên định (tenacity, phụ thuộc kéo dài hay ngắn). Phán xét dựa trên quy chuẩn cộng đồng còn có nhiều yếu tố thuộc về những quy định của pháp luật và quy tắc riêng của tôn giáo. Từ quy chuẩn cộng đồng, Phán xét được chia thành hai kiểu: Trung thực (veracity, đúng sự thật hay không) và Khuôn phép (propriety, trong phạm vi hay ngoài phạm vi). Ví dụ: “He’s certainly naughty” [4, tr. 54]. Phán xét được diễn đạt bằng phụ ngữ tình thái (modal adjunct) “certainly”.

• Đánh giá cảm quan

Đánh giá cảm quan được xem là sự đánh giá chủ thể giao tiếp đối với sự vật (things). Sự vật được hiểu

theo một cách trừu tượng hơn, bao hàm tất cả các sự vật, hiện tượng hiện hữu hoặc phi hiện hữu, thậm chí cũng có thể là các mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Đánh giá về “sự vật” cũng được diễn đạt theo hai chiều hướng là “tích cực” hoặc “tiêu cực”. Đánh giá cảm quan được phân thành các tiểu loại như: một là, thái độ của chủ thể giao tiếp đối với sự vật do bị sự vật tác động đến họ, được gọi là Phản ứng (reaction); hai là, thái độ của chủ thể giao tiếp đối với cấu thành của sự vật, được gọi là Kết cấu (composition); ba là, thái độ của chủ thể giao tiếp đối với sự đánh giá của sự vật, được gọi là Giá trị (valuation). Trong tiếng Anh, đôi lúc sẽ có những phương thức diễn đạt có thể được phân tích xếp loại bằng tiểu hệ thống Phán xét hoặc Đánh giá cảm quan [4, tr. 39]. Đồng thời, tiểu hệ thống Thái độ cũng có thể sẽ khác nhau theo quan điểm của từng nền văn hóa khác nhau [4, tr. 42].

Ví dụ: “a penetrating analysis” [4, tr. 58]. Đánh giá cảm quan được diễn đạt bằng từ “penetrating”.

Thang độ

Thái độ của người nói/ viết được diễn đạt ở các mức độ khác nhau thông qua Thang độ. Hai dạng thức nhằm diễn đạt các mức độ của Thang độ bao gồm: (i) Khuếch trương theo kiểu Tăng (raise) hoặc Giảm (lower); (ii) Tiêu điểm theo kiểu Siết chặt (sharpening) hoặc Nới lỏng (softening).

Ví dụ: “They don’t play real jazz” [4, tr. 137]. Thang độ được diễn đạt bằng từ “real”.

Tham thoại

Nguồn của đánh giá được định danh là Tham thoại trong lý thuyết này. Nếu sự đánh giá chỉ bắt nguồn từ người nói/ viết thì được gọi là Đơn nguồn (monogloss). Ngược lại, nếu người nói/ viết “tạo điều kiện” để các chủ thể khác “có khả năng” tham gia vào quá trình tương tác và diễn đạt cảm xúc thì được gọi là Đa nguồn (heterogloss). Tóm lại, Tham thoại là yếu tố giúp xác định nguồn của Thái độ trong diễn ngôn. Ví dụ: “In fact this was possibly the most immature, irresponsible, disgraceful and misleading address ever given by a British Prime Minister” [Nguồn: 4, tr. 106]. Tham thoại được diễn đạt bằng phụ ngữ tình thái “possibly”.

Thái độ và Thang độ trong thành ngữ tiếng Việt

Phương thức xác định Thái độ và Thang độ trong thành ngữ

Để có thể phân loại thành ngữ theo lý thuyết Đánh giá, công việc đầu tiên cần phải làm là xác định Thái

độ và Thang độ tồn tại trong nó. Như đã đề cập, thành ngữ tiếng Việt hoạt động trong quá trình hành chức ở một chu cảnh giao tiếp cụ thể. Tuy nhiên, khi biên soạn từ điển, các tác giả chỉ tập trung vào giải thích ý nghĩa của các thành ngữ này. Do đó, nhiều trường hợp thành ngữ sẽ khó xác định Thái độ “ẩn chìm” bên trong cũng như tiến hành đo mức độ đánh giá của người nói/ viết. Để tiến hành xác định Thái độ bên trong thành ngữ, bên cạnh việc đọc hiểu và phân tích ý nghĩa được giải thích trong từ điển của Đỗ Thị Kim Liên và cộng sự (2015)³, chúng tôi còn đặt các thành ngữ này trong một câu/ phát ngôn được tìm thấy trong các sách, báo, tạp chí. Đối với những thành ngữ khó tìm ví dụ do ít được sử dụng trong các sách, báo, tạp chí thì chúng tôi tự đặt ra những ví dụ, với tư cách là người bản ngữ, để xác định thái độ cũng như mức độ bên trong nó. Sau khi đặt vào câu/ phát ngôn, chúng ta có thể định vị được Thái độ thuộc dạng thức nào trong các kiểu Tình cảm, Phán xét hay Đánh giá cảm quan. Trên cơ sở đó, chúng tôi cũng đưa ra các ví dụ tương đương về nghĩa để xác lập mức độ đánh giá theo các dạng thức như Khuếch trương (Tăng/ Giảm) hay Tiêu điểm (Siết chặt/ Nới lỏng). Tóm lại, một thành ngữ được khảo sát, chúng tôi sẽ tiến hành phân loại thành: Tình cảm, Phán xét hay Đánh giá cảm quan; và Tăng/ Giảm/ Siết chặt/ Nới lỏng.

Minh họa việc xác định thái độ

Ví dụ 1 dưới đây ghi nhận về việc sử dụng thành ngữ “một trời một vực”. Dựa trên việc đặt vào câu/ phát ngôn, chúng tôi sẽ tiến hành phân tích Thái độ và Thang độ.

Ví dụ 1: “Đạo này “toa” nhảy khá lắm, so với trước đúng là một trời một vực” [3, tr. 453].

Ví dụ 2: “Chất lượng sản phẩm của hãng này đúng là một trời một vực so với hãng nhà anh ấy”.

Theo từ điển của Đỗ Thị Kim Liên và cộng sự (2015), thành ngữ “một trời một vực” có nghĩa là “khác biệt chênh lệch nhau xa quá, quá rõ ràng” [3, tr. 453]. Thành ngữ trong ví dụ 1 được sử dụng để tiến hành đánh giá về kỹ năng nhảy của “toa”, tức là dùng để chỉ hành động của con người. Do vậy, thành ngữ này được xếp vào Phán xét. Tuy nhiên, trong ví dụ 2 thì thành ngữ này lại được sử dụng để diễn đạt sự đánh giá của người phát ngôn đối với chất lượng sản phẩm, tức là sự vật, hiện tượng. Ở trường hợp này, chúng tôi cũng phân nhóm thành ngữ này vào Đánh giá cảm quan.

Xét từ ngữ nghĩa ở tầng từ vựng - ngữ pháp (lexico-grammar) thì thành ngữ này mang lại một cảm giác tích cực ở cả hai ví dụ 1 và 2 ở trên. Do đó, chúng tôi nhận định rằng thành ngữ này mang Thái độ tích cực,

được đánh dấu là (+) trong **Phụ lục 1**. Dựa trên việc đặt thành ngữ trong hành chức và khả năng bản ngữ của người sử dụng, chúng tôi tiến hành phân loại 50 thành ngữ trong ngữ liệu nghiên cứu.

Kết quả phân loại thành ngữ tiếng Việt

Kết quả của việc phân loại thành ngữ tiếng Việt từ góc nhìn của lý thuyết Đánh giá được minh thị qua **Phụ lục 1** ghi nhận kết quả phân loại ở cuối bài viết này. Theo đó, Tình cảm là kiểu thái độ được sử dụng để đưa ra những cảm giác của chính bản thân người viết/ nói do bị một đối tượng nào đó tác động (trigger). Trong 50 thành ngữ được khảo sát, một thành ngữ được tìm thấy có thể được sử dụng trong giao tiếp để diễn đạt sự đánh giá của chủ thể giao tiếp về cảm giác của chính bản thân mình. Thành ngữ đó là “sợ toát mồ hôi”.

Ví dụ 3: (Tình cảm)

“Nhìn khung cảnh vụ tai nạn, tôi sợ toát mồ hôi”.

Phán xét, như đã đề cập, là một dạng thức đánh giá mà chủ thể giao tiếp sử dụng dành cho một người khác hoặc hành vi của người khác. Kết quả khảo sát cho thấy 39/50 thành ngữ được sử dụng như là những phương thức diễn đạt mang đánh giá của người nói/ viết ở kiểu Phán xét. Như đã đề cập, bài viết này không phải khảo sát để đánh giá về đặc điểm hay khảo sát các giá trị của thành ngữ tiếng Việt. Do đó, chúng tôi chỉ dừng lại ở việc phân loại chúng từ góc nhìn của lý thuyết Đánh giá.

Ví dụ 4: (Phán xét)

“Khoi đã nhiều lần khuyên nhủ nó hãy đừng có làm một kẻ bán nước hại dân một lần nữa” [3, tr. 45].

Đánh giá cảm quan là phương thức diễn đạt thái độ của con người đối với các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Chúng tôi xác định được 12/50 thành ngữ có thể được sử dụng trong quá trình hành chức nhằm diễn đạt sự đánh giá của người nói/ viết đối với sự vật hiện tượng.

Ví dụ 5: (Đánh giá cảm quan)

“Thầy đã nói vậy ngay ở tiết toán đầu tiên dạy chúng tôi từ lớp 8. Chỉ nói một lần không nhắc lại, miễn bình luận, bắt di bắt dịch” [3, tr. 55].

Bên cạnh việc khảo sát các loại hình thái độ, chúng tôi cũng tiến hành xác định tính tiêu cực/ tích cực như đã trình bày ở phần câu hỏi nghiên cứu. Kết quả khảo sát thấy 30/50 thành ngữ mang đánh giá tiêu cực được gắn ký hiệu (-), 15/50 thành ngữ mang đánh giá tích cực được gắn ký hiệu (+) và 5/50 thành ngữ mang đánh giá trung tính được gắn ký hiệu (O).

Ví dụ 6: (Tiêu cực) (Thang độ Siết chặt)

“Tôi nói cho dương biết nhé, làm thế nào thì làm, ngày mai mà con mẹ Dân còn réo thầy u tôi, réo em tôi ra

chửi, mà anh em nhà dương vẫn im như hến là không xong với tôi đâu!” [3, tr. 334].

Ví dụ 7: (Tiêu cực) (Thang độ Tăng)

“- Bà vừa nhai trầu vừa hút: Nghèo! Nó con nhà nghèo mà lưỡi chày thầy đấy u! Thằng cháu bà, nó khác...” [3, tr. 402].

Ví dụ 8: (Trung tính) (Thang độ không xác định)

“Phượng đáp lời chị Hoài: Lạ nước lạ cái cũng còn nhiều cái khó chị ạ!” [3, tr. 366].

Thang độ là mức độ của sự đánh giá được thể hiện bởi chủ thể giao tiếp. Theo lý thuyết Đánh giá, chúng tôi tiến hành phân loại thành ngữ dựa trên bốn dạng thức: Tăng, Giảm, Siết chặt hoặc Nói lỏng. Kết quả khảo sát thấy 30/50 thành ngữ mang thái độ kiểu Siết chặt (ví dụ 6), 16/50 thành ngữ mang thái độ kiểu Tăng (ví dụ 7), 1/50 thành ngữ mang thái độ kiểu Nói lỏng (ví dụ 9) và 5 thành ngữ không xác định mức độ do thái độ Trung tính (ví dụ 8).

Ví dụ 9: (Tiêu cực) (Thang độ Nói lỏng)

“Phú quý sinh lễ nghĩa, hần mang về cúng hần nhà thờ họ một chiếc vòng đôi bằng loại vải tề-tờ-rông, để thuê thợ vẽ cây gia hệ” [3, tr. 590].

Kết quả phân loại thành ngữ được chúng tôi tổng kết trong **Phụ lục 1**, được xem là kết quả nghiên cứu chính của bài viết này.

Thảo luận

Qua kết quả khảo sát, chúng ta có thể thấy rằng sự đánh giá của dân tộc Việt gắn chặt trong việc sử dụng thành ngữ. Thông qua việc đưa thành ngữ vào trong quá trình giao tiếp, sự đánh giá của con người, bao hàm thái độ, được thể hiện trong từng chu cảnh giao tiếp cụ thể. Các thái độ này có thể là tiêu cực, tích cực hoặc trung tính. Thái độ được diễn đạt ở các mức độ khác nhau thông qua Thang độ, dưới hai hình thức là Tiêu điểm hoặc Khuếch trương. Kết quả phân loại trong **Phụ lục 1** tái khẳng định những nội dung này.

Trong quá trình phân loại thành ngữ tiếng Việt, một thành ngữ có thể có nhiều hơn một vai trò trong việc hiện thực hóa Thái độ của chủ thể giao tiếp. Một thành ngữ có thể được sử dụng để diễn đạt sự đánh giá của chủ thể giao tiếp đối với con người, hành vi của con người hoặc cũng có thể đối với sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Nhận thức được việc này sẽ giúp người phân tích có cái nhìn đa chiều và phổ quát hơn về thành ngữ trong quá trình hành chức. Hai ví dụ 10a và 10b dưới đây đều cùng sử dụng một thành ngữ “hái ra tiền” nhưng được sử dụng để diễn đạt sự đánh giá ở hai dạng thức khác nhau là Đánh giá cảm quan và Phán xét. Như Martin, Martin, J. R., & Rose, D. (2007), một phương thức diễn đạt ở tầng từ vựng ngữ pháp có thể được sử dụng để đánh giá những đối

tượng khác nhau, từ đó tạo nên một đường biên tiếp xúc giữa Đánh giá cảm quan và Phán xét [15, tr. 39-42].

Ví dụ 10a:

“Top những nghề hái ra tiền dành cho giới trẻ” [Nguồn: Tiêu đề bài báo trên Công thương Online, ngày 26/01/2015, “Top những nghề “hái” ra tiền dành cho giới trẻ”].

Ví dụ 10b:

“Nghề sỹ Thanh Bạch: Miệng hái ra tiền” [Nguồn: Tiêu đề bài báo trên Tiền phong, ngày 26/01/2015, theo nld.com.vn]

Việc phân định các dạng thức của Thái độ trong thành ngữ không gây nhiều khó khăn. Tuy nhiên, việc xác định Thang độ trong một số trường hợp thành ngữ khá khó xác định. Đặc biệt là việc xác định giữa Siết chặt (thuộc Tiêu điểm) và Tăng (thuộc Khuếch trương) khi xác định cách thức mà sự đánh giá được phân mức độ. Bên cạnh đó, việc xác định sự tích cực/ tiêu cực/ trung tính trong một số thành ngữ cũng có những khó khăn nhất định. Để đánh giá tích cực hay tiêu cực trong một số trường hợp là điều không dễ dàng nếu xét từ khái niệm được đưa ra trong từ điển.

Ví dụ 11a:

(-) Mày thua nó thì có gì mà buồn. Mày với nó một trời một vực mà.

Ví dụ 11b:

(+) Có gì đâu mà lo. Mày với nó một trời một vực mà. Theo từ điển, thành ngữ “một trời một vực” mang ý nghĩa “khác biệt chênh lệch nhau xa quá, quá rõ ràng” [3, tr. 453]. Khái niệm này tạo cảm giác tiêu cực về sự chênh lệch giữa các đối tượng. Tuy nhiên, nếu xét từ hai ví dụ 11a và 11b, thành ngữ “một trời một vực” đã mang lại hai kiểu khác nhau về sự tích cực (11b) và tiêu cực (11a). Theo đó, thành ngữ này được phân định vào nhóm (O) [trung tính]. Do vậy, việc phân loại thành ngữ dựa trên lý thuyết Đánh giá cần phải xem xét kỹ lưỡng trong hành chức của nó. Trong một phạm vi nhất định, việc phân loại thành ngữ dựa trên Thái độ và Thang độ cũng chỉ mang tính chất tương đối. Kết quả phân loại này có thể sẽ mang lại những ý nghĩa nhất định đối với việc giảng dạy, phân tích diễn ngôn hoặc nghiên cứu về thành ngữ trong hành chức.

KẾT LUẬN

Thành ngữ là một kho tàng ngôn ngữ quý báu của dân tộc. Hiểu và sử dụng đúng thành ngữ là một việc hữu ích để lưu truyền các giá trị quý báu đó. Nghiên cứu thành ngữ là nhiệm vụ đặt ra trước tiên cho các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, văn học và văn hóa. Việc nghiên cứu này nên được nhìn từ đa dạng các khía cạnh và đặt trong nhiều hệ hình lý thuyết

khác nhau. Trên tiến trình đó, lý thuyết Đánh giá được sản sinh và phát triển ở nước ngoài đang được xem là một trong những nền tảng cơ sở để nghiên cứu đa dạng các ngôn ngữ khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi đã cố gắng ứng dụng lý thuyết này vào việc “gắn nhãn” thái độ cho thành ngữ tiếng Việt. Dù việc gắn nhãn này đôi lúc cũng chỉ mang tính tương đối, thậm chí chủ quan của người nghiên cứu, nhưng chúng tôi hy vọng rằng bài viết sẽ mang lại một cái nhìn mới về thành ngữ trên một cơ sở lý thuyết khác mang tính khoa học, được thừa nhận rộng rãi. Trong dữ liệu 50 thành ngữ được khảo sát, tất cả đều hàm chứa sự đánh giá khi chủ thể giao tiếp sử dụng. Thái độ tiềm năng bên trong thành ngữ đa phần là Phán xét (39/50 thành ngữ), kế đến là Đánh giá cảm quan (12/50 thành ngữ) và cuối cùng là Tình cảm (01/50 thành ngữ). Có những thành ngữ mang hàm ý đánh giá ở cả hai phương thức Đánh giá cảm quan và Phán xét. Thành ngữ trong quá trình hành chức thường được diễn đạt ở mức cao, biểu hiện ở hai dạng thức là Siết chặt và Tăng (tổng cộng 47 thành ngữ). Sự phức tạp và biến hóa về ý nghĩa của thành ngữ tiếng Việt làm cho người bản ngữ đôi lúc cũng gặp khó trong việc hiểu và sử dụng. Hơn nữa, bài viết cũng chỉ bước đầu thử nghiệm lý thuyết Đánh giá trong việc xác định yếu tố đánh giá trong thành ngữ tiếng Việt. Do vậy, chúng tôi mong nhận được góp ý và chỉnh sửa từ các học giả, nhà nghiên cứu và những chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Tác giả Phan Tuấn Ly chịu trách nhiệm viết chính, định hướng áp dụng lý thuyết vào phân tích; Tác giả Ngô Hải Quân khảo sát ngữ liệu, phân tích và viết kết quả nghiên cứu; Kết quả khoa học là đề xuất phân loại thành ngữ theo lý thuyết Đánh giá và miêu tả các tiểu loại đánh giá được gắn trong thành ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hành HV. Thành ngữ học tiếng Việt. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội; 2015.
- Chữ MN, ctv. Cơ sở ngôn ngữ học tiếng Việt. Hà Nội: NXB Giáo dục; 2006.
- Liên ĐTK và cộng sự. Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội; 2015.
- Martin J, White PR. The language of evaluation: Appraisal in English. London: Palgrave Macmillan; 2005.
- Hành HV. Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội; 1994.
- Liên ĐTK. Thành ngữ tiếng Việt cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua sáng tác của một số nhà văn Nam Bộ tiêu biểu. VNU Journal of Foreign Studies. 2014;30(4):10-18. Available from: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/index.php/fs/article/view/458>.

7. Đinh Hiền N. Tìm hiểu thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt dưới góc nhìn của quy luật vận động và phát triển. VNU Journal of Foreign Studies. 2018;34(1):91–105. Available from: <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4230>.
8. Chenguang C. English idioms and Appraisal. System, Function, Appraisal. 2007;2007:1–9.
9. Stefanova D. Biblical Idioms in Contemporary Discourse. In: Sessions Schedule & Abstracts Програма & Резюмега; 2018. p. 194–210.
10. Nyong M. An Appraisal of the Translation of Proverbs and Idioms in God's Bits of Wood. Port Harcourt Journal of History & Diplomatic Studies. 2020;7(2):153–171.
11. Wijaya R, Hidayatulloh A. The appraisal system of hyperbolic expressions in Setiyono's glonggong novel trilogy. Leksema: Jurnal Bahasa dan Sastra. 2022;7(2):155–166. Available from: <https://doi.org/10.22515/ljbs.v7i2.5765>.
12. Halliday M, Matthiessen C. An introduction to functional grammar. Routledge; 1985.
13. Halliday M. Dẫn luận ngữ pháp chức năng. Hoàng Văn Vân dịch. Hà Nội: Đại học Quốc Gia; 2001.
14. Halliday MAK, Matthiessen CM. An introduction to functional grammar. Routledge; 2014.
15. Martin R, D. Working with discourse: Meaning beyond the clause. Bloomsbury Publishing;.

Vietnamese idioms from the perspective of Appraisal Theory

Phan Tuan Ly^{1,*}, Ngo Hai Quan²



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The research of Vietnamese idioms in use is not novelty in Vietnam. This paper uses the Appraisal Theory developed by Martin, J. R., & White, P. R. (2005), which is considered as a part of realizing Interpersonal metafunction in of Systemic Functional Linguistics, to determine evaluation factors in Vietnamese idioms. Accordingly, we investigated 50 Vietnamese idioms that were listed in the Dictionary of Vietnamese Idioms and Proverbs in Use compiled by Do Thi Kim Lien & et al (2015) to identify and then classify their Attitude, Graduation hidden in use. Idioms were randomly selected from the dictionary. From a qualitative approach, the methods of linguistic description and discourse analysis were used to achieve the two purposes. Besides, the statistical classification method was also used to count and classify idioms in terms of the Appraisal Theory. The survey results show that all idioms carry evaluation in performance. The Attitude hidden in idioms was mainly realized in the type of Judgment and Appreciation. The level of evaluation in the idiom was mostly high and realized by Sharpen and Raise. This classification result may be a new approach in compiling a Vietnamese idiom dictionary. Furthermore, the classification of Vietnamese idioms based on the Appraisal Theory may support the critical discourse analysis to become more effective when approaching Vietnamese texts (spoken or written discourses).

Key words: Vietnamese idioms, Appraisal Theory, systemic functional grammar, SFL

¹Ho Chi Minh City University of Law, Vietnam

²University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Phan Tuan Ly, Ho Chi Minh City University of Law, Vietnam

Email: phantuanly@gmail.com

History

- Received: 04-09-2024
- Revised: 29-04-2025
- Accepted: 09-6-2025
- Published Online: 26-12-2025

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v10i1.1058>



Copyright

© VNUHCM Journal. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Ly P T, Quan N H. **Vietnamese idioms from the perspective of Appraisal Theory.** *VNUHCM J. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(1):3239-3247.